

Ngân hàng Thế giới năm 2000 đã cảnh báo các nền kinh tế châu Á: “ Tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á những năm trước đã chứa đựng yếu tố ảo do tăng liên tục đầu tư từ các nguồn vốn nước ngoài với nhiều mức lãi suất vào các ngành kinh tế theo hướng tăng sản lượng (xuất khẩu sản phẩm lắp ráp điện tử, may chiếm 40% tổng kim ngạch), không chú trọng đầu tư vào việc nâng cao tính sáng tạo sản phẩm để tạo ra nhiều giá trị gia tăng, và việc thay thế nguyên liệu nhập khẩu, trong khi đó tốc độ tăng tiền lương nhanh làm cho hàng hóa giảm sức cạnh tranh”.

Công nghệ là gì?

Dự án Atlas công nghệ do Trung tâm chuyển giao công nghệ khu vực châu Á - Thái Bình Dương thuộc Ủy ban kinh tế xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Liên hợp quốc (UN - ESCAP) thực hiện, quan niệm công nghệ là quá trình biến đổi đầu vào là sản phẩm lấy từ tự nhiên, như nông sản, khoáng sản, hàng hóa trung gian (bán thành phẩm); đầu ra gồm: sản phẩm kỹ thuật, hàng hóa trung gian, sản phẩm tiêu dùng

Đổi mới công nghệ để nội địa hóa giá trị xuất khẩu

TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG

Bảng 1: Công nghệ là hệ thống biến đổi đầu vào, ra

Thành phần công nghệ		Đặc trưng nổi bật	
Đầu vào	Phần tự nhiên	Các nước đang phát triển tiêu biểu	Các nước phát triển tiêu biểu
	Phần bán thành phẩm	Chủ yếu xuất khẩu	Chủ yếu nhập khẩu
Quá trình chuyển đổi	Phần kỹ thuật	Chủ yếu xuất khẩu	Chủ yếu nhập khẩu
	• Phần con người	nhập khẩu	xuất khẩu
	• Phần thông tin	Các khả năng vận hành	Các khả năng đổi mới
	• Phần tổ chức	nhập khẩu	xuất khẩu/nhập khẩu
		Nhập khẩu (liên doanh, đại lý, chi nhánh...)	Xuất khẩu (đầu tư trực tiếp)

Đầu ra	Phần kỹ thuật	Lượng sản xuất trong nước nhỏ	xuất khẩu
	Phần bán thành phẩm	Lượng sản xuất trong nước lớn, thô	Sản lượng lớn, dạng cụm linh kiện, vật tư tính chế
	Phần tiêu dùng	Chủ yếu sản xuất theo giấy phép và tiêu dùng tại chỗ	Tiêu dùng và xuất khẩu

Nguồn: Trung tâm thông tin tư liệu và công nghệ quốc gia (1997), Phương pháp lập kế hoạch phát triển năng lực công nghệ, tập 4 đánh giá trình độ công nghệ, tr.42.

Chênh lệch giá trị đầu vào đầu ra được gọi là giá trị gia tăng thể hiện hàm lượng công nghệ, cấp độ tinh xảo của công nghệ hoặc nhận biết về chất xám hay hàm lượng tri thức trong sản phẩm. Đơn giá gia công hàng xuất khẩu, chênh lệch giá xuất khẩu thành phẩm và giá mua nguyên, vật liệu trong chu kỳ ngắn hạn cùng thời giá biểu hiện rõ giá trị tăng thêm. Tuy nhiên, để đánh giá phần tăng thêm do công nghệ tạo ra cần loại trừ các yếu tố do chính sách thuế, do dự trữ, đầu cơ... Các yếu tố này rất cần thiết có ý hỗ trợ song không cơ bản và nó có xu hướng tự chặn mất cơ hội đầu tư đổi mới công nghệ, cạnh tranh để lấy lợi ích dài hạn, bền vững.

Hàng hóa trung gian dành cho nhà sản xuất và việc định giá khá phức tạp do có nhiều nhà cung cấp cùng loại hàng hóa có công dụng như nhau, các giá trị gia tăng thường ẩn lấp vào loại hàng hóa này và có các cấp độ sau:

- Loại thô như khoáng sản, nông sản mới sơ chế, sơ tuyển, nguyên liệu cấp thấp cần công nghệ chế biến sâu để đạt cấp cao hơn và sản phẩm tiêu dùng.

- Loại cao cấp không cần chế biến sâu, giá trị gia tăng các doanh nghiệp phía trước đã thực hiện, còn lại mức thấp cho doanh nghiệp phía sau lắp ráp đưa vào tiêu dùng.

Cùng đầu vào như nhau sẽ cho đầu ra khác nhau hoặc ngược lại, trường hợp giống nhau chỉ là ngẫu nhiên, điều này do cấp độ hiện đại của công nghệ và quan trọng hơn là khả năng sử dụng công nghệ hiện đại đó và môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Chính điều này lý giải tại sao nhiều doanh nghiệp có công nghệ như nhau, có đầu vào như nhau nhưng cho chất lượng, kiểu dáng sản phẩm khác nhau và lỗ lãi chênh nhau rất lớn.

Có một số trường hợp không tuân theo quy luật trên đó là khủng hoảng thừa hoặc thiếu, chính sách bảo hộ sản xuất hạn ngạch ngoại thương hay biến động bất thường của tỷ giá. Về cơ bản quy luật trên xuyên suốt các quá trình biến đổi các nguồn lực và nó có ý nghĩa trong quá trình điều chỉnh cơ cấu nguồn gốc, chất lượng và giá trị đầu vào, ra và phân chia lợi ích gia tăng giữa các bên tham gia hoàn chỉnh sản phẩm một cách trung thực hơn.

Ngân hàng Thế giới năm 2000 đã cảnh báo các nền kinh tế châu Á: “ Tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á những năm trước đã chứa đựng yếu tố ảo do tăng liên tục đầu tư từ các nguồn vốn nước ngoài với nhiều mức lãi suất vào các ngành kinh tế theo hướng tăng sản lượng (xuất khẩu sản phẩm lắp ráp điện tử, may chiếm 40% tổng kim ngạch); không chú trọng đầu tư vào việc nâng cao tính sáng tạo sản phẩm để tạo ra nhiều giá trị gia tăng, và việc thay thế nguyên liệu nhập khẩu, trong khi đó tốc độ tăng tiền lương nhanh làm cho hàng hóa giảm sức cạnh tranh”.

Định hướng cho các doanh nghiệp công nghiệp VN

1. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực cần được chế biến sâu

Đầu ra của đổi mới công nghệ có một hướng tiếp cận quan trọng thông qua phân tích cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu, tỷ trọng giá trị sản xuất của hàng xuất khẩu qua các cửa khẩu chính (TP.HCM, Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng...) và trên toàn quốc là cơ sở dữ liệu về lựa chọn ngành nghề đầu tư đổi mới công nghệ. Để có được cơ sở dữ liệu tin cậy, chi phí không nhỏ, nhiều dự án của nước ngoài chỉ cả tỷ đồng để lấy thông tin chi tiết về doanh nghiệp và thị trường trong nước. Các thông tin này trả lời có đầu tư hay không và được cập nhật phục vụ quản lý quá trình dự án.

Khi thị trường xuất hiện nhu cầu hàng hóa xuất khẩu hay phải nhập khẩu mà năng lực sản xuất trong nước thấp, các công ty năng động sẽ nghiên cứu kỹ hàng hóa về mặt hiện vật và giá trị, đưa ra phương án sản xuất tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, các nước công nghiệp tiên tiến từng ngạc nhiên trước khả năng này của các nước công nghiệp mới. Tại VN, nhiều công ty đã sản xuất thiết bị, phụ tùng, hàng hóa xuất khẩu, thay thế nhập khẩu.

Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu ở nước ta trong mười năm qua bình quân trên 20%/năm. Cơ cấu nhập khẩu từ năm 1991 đến gần đây: Máy móc thiết bị và phụ kiện tăng; nguyên nhiên vật liệu giảm chậm; hàng tiêu dùng giảm chậm. Những sản phẩm nhập khẩu chủ yếu: máy móc, thiết bị, xăng, dầu, thép, linh kiện điện tử, phân bón, sợi dệt, vải...

Xuất khẩu: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trong mười năm qua đạt mức bình quân khá cao, khoảng 22% năm. Cơ cấu xuất khẩu: Nông lâm nghiệp và thủy sản giảm nhẹ; công nghiệp và khoáng sản tăng khá; ngòi thứ các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu từ cao xuống thấp (tính theo giá trị): dầu thô, dệt may, thủy sản, giày dép, bốn mặt hàng này có tốc độ tăng cao, chiếm trên 50% tổng kim ngạch; tiếp đến là gạo, cà phê, cao su.

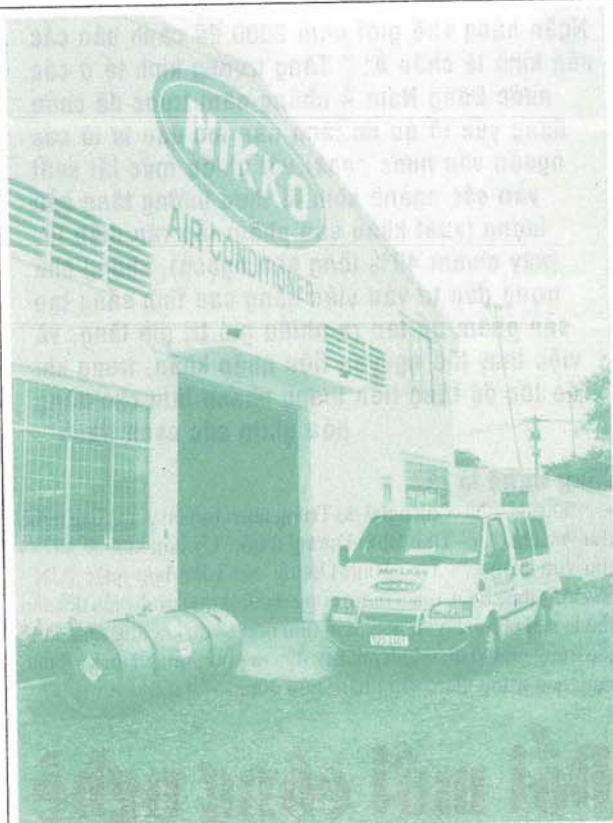
Các nhà đầu tư hiểu rằng họ có thể không khép kín chu trình tạo sản phẩm nhưng sẽ đầu tư vào một số khâu của quá trình sản xuất làm gia tăng giá trị, đặc biệt là những ngành công nghiệp chế biến sâu có nguyên liệu trong nước sẽ tạo ra sản phẩm xuất khẩu có giá trị cao gấp nhiều lần xuất khẩu thô; liên doanh với nước ngoài sản xuất các mặt hàng xuất khẩu, mặt hàng thay thế nhập khẩu, nội địa hóa sản phẩm này là cách làm khá thành công đòi hỏi khả năng công nghệ, kỹ năng thương thuyết, đấu tranh để giành tỷ trọng giá trị sản phẩm do trong nước sản xuất. Một số nhà đầu tư nước ngoài từ ngạc nhiên đến vui mừng hợp tác với doanh nghiệp trong nước.

Tình hình càng trở nên cấp thiết đối với các doanh nghiệp và nền kinh tế khi chúng ta hội nhập quốc tế và khu vực. Đến năm 2003 phải cắt giảm thuế nhập khẩu trong khu vực mậu dịch ASEAN xuống còn 0 - 5% đối với 95% các dòng thuế đang áp dụng.

Thực tế danh mục mặt hàng xuất khẩu và tiêu dùng trong nước rất lớn, các doanh nghiệp cần tự tìm hiểu thị trường và so sánh hoặc qua các công ty tư vấn để thấy được khả năng cạnh tranh và chuẩn bị các phương án đầu tư chuyển đổi cơ cấu, tập trung vào mặt hàng có lợi thế.

Lợi thế của doanh nghiệp công nghiệp ở VN:

- Đã có kinh nghiệm xuất khẩu vào các thị trường mới trong hơn 10 năm qua, một số ngành công nghiệp chế biến đã hình thành mô hình tổng công ty lớn. Một nửa trong số gần 120 tổng công ty 91, 91 thuộc ngành công nghiệp trực tiếp sản xuất, xuất



Ảnh Nguyễn Ngọc Đào

nhập khẩu ;

- Được Nhà nước tập trung đầu tư vào những ngành, lĩnh vực thuận lợi như sản xuất nguyên vật liệu, năng lượng, phát triển bất động sản công nghiệp.

- Nguồn nhân lực khá dồi dào, số lao động công nghiệp đang tăng trưởng về số lượng và chất lượng, có khả năng chấp nhận mức lương thấp trong ngắn hạn để cạnh tranh theo kinh nghiệm của các quốc gia tiến hành công nghiệp hóa và áp dụng chính sách cạnh tranh. Hàn Quốc vào thập kỷ 60 - 70 tập trung sản xuất hàng xuất khẩu với công nghệ trung bình như may, hàng thủ công và khuyến cáo công nhân về mức lương cạnh tranh, chủ một số tập đoàn đã tuyên bố: nếu tăng lương chúng ta sẽ mất khả năng cạnh tranh, chúng ta không thể tái đầu tư, điều này được công đoàn kiểm soát thừa nhận. Ngày nay họ đã tăng lương cho lao động trong nước gấp nhiều lần song biện pháp này vẫn không loại bỏ, họ nhập khẩu lao động và xuất khẩu tư bản, toàn dụng công nghệ để có sản phẩm cạnh tranh về giá nhân công.

- Nguồn tài nguyên về dầu khí và nông, lâm thủy sản, một số khoáng sản hứa hẹn đầu vào cho một số ngành công nghiệp khai khoáng và chế biến sâu, giảm bớt áp lực về chi phí trung gian trong sản phẩm xuất khẩu.

- Có khả năng mở rộng thị trường xuất khẩu và thị trường trong nước đang tăng trưởng nhu cầu đầu vào đối với những ngành sản xuất hàng xuất, và hàng tiêu dùng thông thường.

Hạn chế của doanh nghiệp công nghiệp VN là chi phí đầu vào cao do quy mô kinh tế của dự án (quy mô nhỏ, phân tán), do giá đầu vào trong nước vào và giá nguyên liệu nhập khẩu không thấp; tính liên kết về công nghệ và thương mại giữa các doanh nghiệp yếu; công nghệ nhìn chung còn lạc hậu do thiếu vốn, thiếu bản lĩnh đầu tư; bị cạnh tranh từ bên ngoài về giá, thị trường, thương hiệu, về tiêu chuẩn công nghệ ví dụ như công nghệ sạch.

công nghệ tái sinh, an toàn sản phẩm... Chính phủ VN rất chú ý đến vấn đề này, dư luận đã phê phán nhiều doanh nghiệp chưa chuẩn bị các phương án cạnh tranh, hội nhập kinh tế.

2. Các giải pháp hỗ trợ công nghệ chế biến xuất khẩu

Đầu tư chiều sâu các cơ sở công nghiệp chế biến sản phẩm có năng lực cạnh tranh theo hướng chuyên môn hóa và hợp tác hóa. Do vậy phải bảo đảm tính đồng bộ của ngành sản xuất nguyên liệu thô để rồi nhập bán thành phẩm công nghiệp để lắp ráp; đồng thời áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế hoặc VN.

Thực tế cho thấy cùng một công nghệ và cùng ngành hàng, cùng là cấp doanh nghiệp thì những doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng đã tạo ra năng suất chất lượng lao động cao hơn, sản phẩm có sức cạnh tranh quốc tế trong các đàm phán thương mại. Năm 2002 có khoảng 300 doanh nghiệp áp dụng ISO 9000. Tuy nhiên cũng cần có tiêu chuẩn VN tương thích với thế giới nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp về dịch vụ này. Xây dựng mới các nhà máy sản xuất nguyên liệu làm hàng xuất khẩu nhằm tránh lệ thuộc vào nhập khẩu và tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu, tạo thêm nhiều việc làm. Ví dụ như đầu tư sản xuất vải cho ngành may; tạo phôi cho luyện thép xây dựng và thép chế tạo; công nghiệp hóa đầu tạo nhiều chế phẩm cho các ngành công nghiệp.

Xây dựng các trung tâm công nghệ ở các thành phố lớn có khả năng liên kết với các viện nghiên cứu triển khai chuyên ngành nhằm chi tiết hóa các nghiên cứu đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm tức là giải quyết kịp thời các dịch vụ công nghệ như âm khuôn, gia công bề mặt, đúc, chế tạo từ cấu kiện xây dựng, bộ phận công nghệ đến chi tiết sản phẩm. Trung Quốc đã đi theo hướng này nên đã tạo ra sản phẩm cạnh tranh với số lượng lớn như đồ may, điện tử, giấy dếp, xe máy đi từ mẫu mã phong phú, giá rẻ. Một số doanh nghiệp VN không kém phần năng động đã cạnh tranh có hiệu quả với hàng tiêu dùng của Trung Quốc, Thái Lan...

Quan điểm chuyên môn hóa đòi hỏi phải phá vỡ các quy trình khép kín, manh mún, lạc hậu. Ví dụ như các dịch vụ công nghệ cao trong sản xuất cơ khí: đúc các khuôn mẫu, tạo phôi tinh điện, nhuộm, thiết kế mẫu sản phẩm. Việc cơ cấu lại các ngành sản xuất công nghiệp là cần thiết, loại bỏ cách tổ chức mỏng manh phân tán, công nghệ lạc hậu, thành lập mới các trung tâm dịch vụ công nghệ cao ở mỗi ngành, vùng. Tính chất hợp tác ở ta về công nghệ khá yếu, các doanh nghiệp có xu hướng khép kín. Việc định giá cả các dịch vụ gia công chuyên sâu cũng là những bất cập làm cho các doanh nghiệp không thể chịu đựng được chi phí cao mà chất lượng chưa đạt mong muốn. Gần đây ngành cơ khí nổi lên việc gia công một số chi tiết cơ khí ngoài phần chính của động cơ xe gắn máy, sử dụng nguyên liệu nhập, sản xuất phân tán đến các hộ sản xuất thủ công.

Chính sách phát triển nguồn nhân lực đã đưa vào kế hoạch hàng năm, năm 1999 đến nay chỉ tiêu lao động qua đào tạo đã được đưa vào nghị quyết Quốc hội. Đầu tư đổi mới công nghệ chỉ có hiệu quả khi chúng ta đào tạo được đội ngũ lao động có tri thức không chỉ làm chủ các công nghệ hiện có, công nghệ nhập mới mà có khả năng sáng tạo công nghệ. Một kế hoạch phát triển nguồn nhân lực tốt nhất chỉ sau từ 5 đến 10 năm sẽ có một đội ngũ công nhân giỏi nghề, đội ngũ kỹ sư công nghệ và cán bộ quản lý có năng lực sáng tạo. Kinh nghiệm Ấn Độ cần 5 - 6 năm đào tạo một lập trình viên máy tính, giỏi tiếng Anh, đạt trình độ tương đương và hơn một số lập trình viên của một số nước có công nghệ

phần mềm tiên tiến. Chúng ta có thể làm được điều đó cho dù muộn so với Ấn Độ hơn 1 thập kỷ.

Cần chọn một số sản phẩm mũi nhọn ở một số ngành ví dụ như trong cơ khí tập trung vào sản xuất xe máy và công cụ cỡ vừa có động cơ; động cơ cỡ vừa và nhỏ làm động lực chế tạo các máy móc, công cụ cơ giới. Trong ngành điện, điện tử và tin học cần tập trung sản xuất các đồ điện gia dụng mới, các thiết bị điện phổ thông trong sản xuất, phần mềm tin học cần định hướng vào các sản phẩm có tính riêng biệt; các sản phẩm tiêu dùng khác như dệt may mặc cần sản xuất bất kỳ sản phẩm nào mà thị trường có nhu cầu, chú trọng điều chỉnh các yếu tố vật chất đầu vào để giảm giá thành.

Cần có sự phối hợp giữa kỹ năng tiếp thị và tính năng động của công nghệ, tận dụng các cơ hội thị trường. Các doanh nghiệp cần có chiến lược lâu dài với thị trường xuất khẩu, duy trì khách hàng truyền thống, tìm các thị trường ngách, lấy lại thị trường này bù lỗ cho thị trường khác...

3. Mô hình tác động của công nghệ

Có thể chúng ta hiểu không đầy đủ về chính sách sản xuất hướng xuất khẩu cho rằng tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu là chính mà không nói rõ giá trị gia tăng trong kim ngạch xuất khẩu hay nội địa hóa bao nhiêu phần trăm giá trị xuất khẩu cũng như các chương trình về sản lượng công nghiệp mìn đường, xi măng, gạch xây, ốp lát chỉ nói về sản lượng. Từ đó tính công suất lắp đặt là xong mà không nói rõ công nghệ nào và phương án sản xuất cho quy mô khả thi để đạt giá thành cạnh tranh hay sản lượng tiêu thụ kinh tế. Hoặc chúng ta khuyến khích nhập vật tư, bán thành phẩm để lắp ráp cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu nên giá trị gia tăng rất thấp. Trung Quốc đã mắc sai lầm này vào khoảng năm 1990 - 1996 và họ đã phải căng rào đóng cửa một số nhà máy xi măng lò đứng, nhà máy đường và ngừng cấp phép một số dự án mà cung đã vượt quá xa cầu, thúc đẩy đầu tư chiều sâu. Một sản phẩm công nghệ cao giá có thể gấp nhiều lần sản phẩm công nghệ thấp.

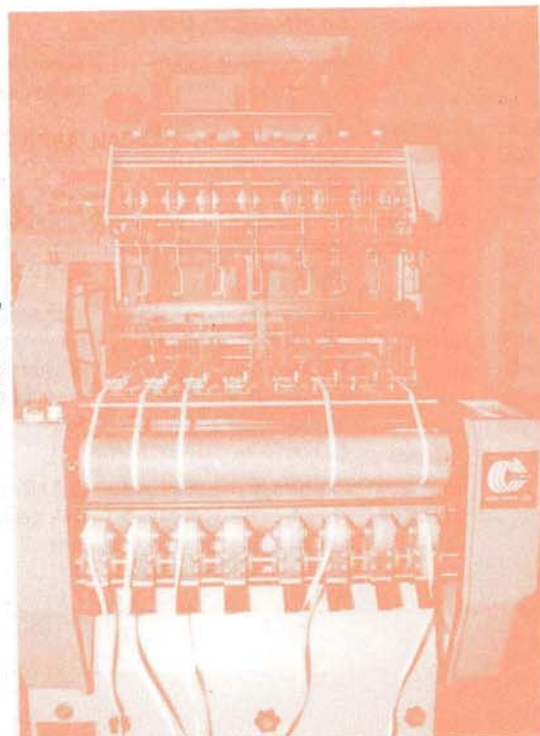
Bảng 2: Mô hình tác động của công nghệ làm tăng giá trị gia tăng hàng xuất khẩu nội địa hóa sản phẩm

	Loại hàng	Giá trị hàng hóa - 100%	
		Thực hiện trong nước	Thực hiện ở nước ngoài
Công nghệ hiện nay	Hàng công nghiệp	Gia công, lắp ráp, chế biến nguyên vật liệu đạt được 20 - 30%	Do xuất khẩu nguyên vật liệu 70 - 80%
	Hàng nông sản, khoáng sản	Sản xuất nông lâm thủy sản, khai khoáng, nguyên vật liệu chỉ đạt 50%	Chế biến ở nước ngoài 50%
Đầu tư đổi mới công nghệ	Hàng công nghiệp	Tăng giá trị gia công, lắp ráp, chế biến nguyên vật liệu, sản xuất nguyên vật liệu - chi tiết sản phẩm thay thế nhập khẩu, góp vào nội địa hóa 50%	Xuất khẩu nguyên liệu bên nhập chưa sản xuất được 50%
	Hàng nông sản, khoáng sản	Chế biến sâu tạo thành phẩm và nguyên liệu chất lượng cao, rút ngắn khoảng cách đến sản phẩm cuối cùng đạt 70%	Chế biến ở nước ngoài 30%...!

Chính sách xuất khẩu là chính sách phải đạt hiệu quả kinh tế lên hàng đầu. Chúng ta đã có một số thị trường nhất định chủ yếu do hàng VN bán với giá mà bên nhập khẩu thấy hấp dẫn. Đây chính là cơ sở mà chúng ta duy trì được thị trường và tổng mức ngoại thương trên cơ sở giảm giá bằng việc giảm chi phí đầu vào do nội địa hóa sản phẩm xuất khẩu. Đề xuất của tôi về việc tăng giá trị gia tăng trong nước trên đơn vị sản phẩm xuất khẩu tác động của đầu tư đổi mới công nghệ, coi đây là biện pháp chủ đạo lâu dài của doanh nghiệp, xem bảng 2. Giả định giá trị hàng hóa đưa vào tiêu dùng ngoài biên giới là 100%, loại trừ tác động phi sản xuất.

Chính phủ đã chỉ đạo chương trình nội địa hóa sản phẩm. Bộ công nghiệp đã ban hành Quyết định số 65/200/NĐ/BCN ngày 13.11.2000 về quy định đăng ký để được xác nhận điều kiện áp dụng thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hóa đối với xe gắn máy 2 bánh; Quyết định 67/200/QĐ/BCN ngày 20.11.2000 công bố nhóm sản phẩm cơ khí được hưởng ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 11/2000 của Chính phủ ngày 20.7.2000 gồm các nhóm: cơ khí phục vụ nông lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến; sản phẩm cơ khí thuộc ngành chế tạo máy cho công nghiệp, thiết bị đồng bộ và thiết bị xây dựng và máy công cụ các loại, thiết bị ngành giao thông vận tải; thiết bị kỹ thuật và vật liệu điện; các sản phẩm phụ tùng, phụ kiện cơ khí phục vụ lắp ráp ô tô xe máy. Công thức tính tỷ lệ nội địa hóa quy định tại Thông tư liên bộ số 120/2001/LBTC - CN - HQ ngày 8.3.2001. Lĩnh vực khoa học công nghệ Nhà nước ưu tiên khuyến khích doanh nghiệp thực hiện theo Thông tư số 234/2000/TTLB ngày 28.11.2000, liên Bộ khoa học công nghệ và môi trường, tài chính: "Nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới nhằm xuất khẩu, hay thay thế nhập khẩu, vật liệu mới, vật liệu quý hiếm, vật liệu có tính năng đặc biệt. Nghiên cứu tạo công nghệ mới về sinh học nhằm sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi, thuốc chữa bệnh cho người, vật nuôi, cây trồng có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế và có hiệu quả kinh tế cao. Nghiên cứu tạo dây chuyền công nghệ đạt trình độ tiên tiến, công nghệ sản xuất linh kiện bộ phận có kỹ thuật cao. Nghiên cứu tạo ra công nghệ sản xuất sử dụng ít nhiên liệu, nguyên vật liệu so với công nghệ hiện có. Nghiên cứu công nghệ xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường, công nghệ xử lý, chế biến chất thải rắn, lỏng, khí".

Ảnh Hoàng Tuấn



Đây là chính sách hấp dẫn nhưng đã xuất hiện tình trạng khai man tỷ lệ nội địa hóa để hưởng ưu đãi. Một cách làm lấy lợi ích bằng gian dối hơn là đổi mới công nghệ. Tôi thấy cần có sự đăng ký kiểm tra quá trình nội địa hóa, thúc đẩy đầu tư đổi mới công nghệ chứ không phải là việc tìm các "biện pháp" để đòi hỏi ưu đãi.

Không chỉ nội địa hóa sản phẩm tiêu dùng trong nước có ý nghĩa thay thế nhập khẩu, tiết kiệm ngoại tệ mà chúng ta cần nội địa hóa sản phẩm xuất khẩu tức là tăng thu ngoại tệ, đề xuất của tôi ở bảng 3.

Bảng 3: Mô hình sản xuất, xuất khẩu bao nhiêu quả táo thì được một quả

Đơn vị: "quả táo"

	“Quả táo” công nghiệp	“Quả táo nông sản	“Ăn” một quả táo phải xuất khẩu mấy quả	
			“Quả táo công nghiệp	“Quả táo nông sản
I. Cơ cấu giá trị công nghệ hiện tại				
Trong nước	1/4	1/3	4,0	3,0
Nước ngoài	3/4	2/3	1,3	1,5
II. Cơ cấu giá trị sau khi đổi mới công nghệ				
Trong nước	1/2	2/3	2,0	1,5
Nước ngoài	1/2	1/3	2,0	3,0
Chênh lệch II - I				
Trong nước	+1/4	+ 1/3	-2	-1,5
Nước ngoài	-1/4	- 1/3	+0,7	+1,5

Mô hình này quy ước 1 đơn vị hàng công nghiệp, nông sản lâm thủy sản đưa vào tiêu dùng ngoài biên giới là một "quả táo" mà có sự tham gia của nhà sản xuất trong và ngoài nước.

Theo mô hình này với công nghệ hiện tại: Để ăn một "quả táo" giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu chúng ta phải nhập khẩu giá trị tương đương với giá trị 3 "quả táo" để sản xuất và xuất khẩu 4 "quả táo"; bên nước ngoài bán cho ta đã chắc ăn 3 quả ngay cả trường hợp hợp chúng ta không sản xuất được 4 quả.

Để ăn một "quả táo" hàng nông sản phải sản xuất nguyên liệu bán cho nước ngoài làm ra 3 "quả táo". Trường hợp này chúng ta có vẻ chắc ăn song đã mất đi nguyên liệu mà có thể bên nước ngoài có công nghệ tốt sản xuất ra hơn 3 quả táo.

Khi đổi mới công nghệ chế biến sâu, tham gia sâu vào cơ cấu giá trị thì chúng ta ăn một quả táo hàng công nghiệp chỉ sản xuất và xuất khẩu 2 quả, ăn một "quả táo" hàng nông sản chỉ xuất khẩu giá trị bằng 1,5 quả, như vậy để ăn 1 quả táo chúng ta giảm một nửa khối lượng sản phẩm. Nếu duy trì khối lượng sản phẩm xuất khẩu như trước, không cần thay đổi về giá cả nhưng với công nghệ mới chúng ta sẽ được ăn 2 "quả táo" ở mỗi loại hàng hay có thể nói giá trị giữ lại trong nước tăng gấp đôi trong khi kim ngạch xuất khẩu không tăng!

Nước tiêu dùng cuối cùng không hẳn là nước trực tiếp nhập hàng của chúng ta và cũng không hẳn đã tham gia cơ cấu giá trị sản xuất hàng hóa. Do vậy, tiếp cận trực tiếp với thị trường cũng là biện pháp tốt để tăng hiệu quả đầu tư đổi mới công nghệ.

(Xem tiếp trang 7)

trên đây cũng phản ánh tình hình đó: tất cả các thị trường có cùng một xu hướng biến động, trừ thị trường Nga và thị trường Việt Nam. Trong khi đó, với quy mô quá nhỏ, với độ thanh khoản thấp và độ biến động cao, lại thêm khả năng chuyển đổi của đồng tiền quá thấp..., thị trường Việt Nam chưa đủ hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài nói chung, các nhà quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nói riêng, thì lại càng không thể hấp dẫn các nhà giao dịch macro-trading, những người luôn phản ứng từng giờ, từng phút, bỏ tiền ra mua chứng khoán nơi này, bán chứng khoán thu tiền nơi khác. Chính vì thế, thị trường Việt Nam mới “bằng quan” với thế giới. Một mình một hướng, thế giới ra sao mặc lòng: đó là vị thế hiện nay của thị trường cổ phiếu Việt Nam.

Kết luận

Trước mắt các nhà đầu tư, thị trường cổ phiếu Việt Nam hiện nay tạm thời không hấp dẫn cho lắm vì suất sinh lợi âm phổ biến khắp nơi. Nhưng tình hình này cũng có mặt tích cực, ít nhất là trên phương diện góp phần điều chỉnh hình ảnh của một thị trường cổ phiếu non trẻ, rằng đó không hẳn là nơi kiếm tiền dễ dàng, thu lợi nhanh chóng. Mặt khác, về lâu dài, mức độ rủi ro có xu hướng giảm do độ thanh khoản tăng lên, độ biến động giảm xuống và hệ số tương quan giữa các cổ phiếu trở nên đa dạng cả về chiều và trị

số. Cả hai đặc trưng này đều khuyến khích xu hướng giảm thiểu các nhà đầu cơ và khuyến khích các nhà đầu tư trên thị trường. Chúng tôi không định nói đầu cơ chỉ có mặt tiêu cực, nhưng nếu một thị trường chỉ có các nhà đầu cơ thì đó lại là một thị trường “tiêu cực”. Nếu như một số nhà đầu tư nghĩ rằng có thể kiếm tiền một cách dễ dàng qua mua bán cổ phiếu trong ngắn hạn thì họ đã nghĩ như một nhà đầu cơ. Nhưng khi họ hiểu ra rằng thực tế không hẳn như vậy và chấp nhận một chiến lược dài hạn nào đó thì họ đã có được một cái nhìn của một nhà đầu tư. Nhà đầu cơ “ngây thơ” nay trở thành “nhà đầu tư khôn ngoan” - điều đó cũng tốt cho thị trường.

Tiến trình trưởng thành của thị trường Việt Nam sẽ được đẩy nhanh hơn nhờ xu hướng quốc tế hoá thị trường, một xu hướng không tránh khỏi trong thời đại toàn cầu hoá. Các nhà đầu tư nước ngoài không chỉ mang tới thị trường một nguồn vốn đáng kể mà còn mang đến một phong cách ứng xử đầu tư nhiều kinh nghiệm... Tuy nhiên, cho đến hiện giờ, các con số cho thấy xu hướng quốc tế hoá của thị trường Việt Nam vẫn chưa rõ rệt ■

Tài liệu tham khảo:

1. Tạp chí Đầu tư chứng khoán, từ số 35 đến số 138.
2. <http://www.stockmarket.vnn.vn>
3. <http://finance.yahoo.com>

(Tiếp theo trang 24)

Đổi mới công nghệ ...

Các khuynh hướng đổi mới công nghệ cần tránh

Thứ nhất là chạy theo mốt thời thượng công nghệ trong khi chưa đủ thông tin nhận diện về công nghệ cao, công nghệ phù hợp. Một công ty dệt kim nhập về máy in hoa tinh điện giá đến 0,5 triệu USD trong khi khách hàng lại chỉ nhập áo phông trắng để rồi họ tự in; các văn phòng mua rất nhiều máy tính công suất lớn giá gấp 2,3 lần máy văn phòng thông thường... thậm chí đào tạo quá xa với lý thuyết cao siêu nhưng sơ sài mà xem nhẹ thực hành công nghệ cơ bản. Thứ hai, là khuynh hướng không muốn đầu tư đổi mới công nghệ chế tạo mà chỉ thích công nghệ lắp ráp cuối cùng tiêu thụ sản phẩm (ăn liền); các nhà đầu tư thường nản chí trước giá thành vật tư thấp của nước ngoài so với giá thành sản xuất trong nước dự toán; các nhà đầu tư thường không có phương pháp đấu tranh, thương lượng với các bên xuất, nhập khẩu để được phân chia tỷ lệ nội địa hóa kèm theo chuyển giao công nghệ. Ví dụ, VN là nước nhập khẩu xe máy của Nhật Bản nhưng chúng ta chưa có một nhà máy của doanh nghiệp công nghiệp trong nước sản xuất xe máy nội địa hóa đến 90% mang thương hiệu VN chúng ta không mua được công nghệ, không có khả năng bắt chước... Do vậy mỗi năm chủ yếu chúng ta chỉ thu được các giá trị thương mại và thuế từ gần một tỷ USD doanh thu bán xe máy, giá trị sản xuất hầu như nằm ngoài biên giới. Hoặc chúng ta chỉ sản xuất được gần 30% của 5 tỷ USD sản phẩm cơ khí cho sản xuất và tiêu dùng nhưng 30% giá trị đó chiếm đến 70% khối lượng sản phẩm cơ khí. Tôi cho rằng cái mà chúng ta mang ra thương lượng chính là quyền thị trường. Chúng ta có thể thỏa thuận khối lượng, thị trường sản phẩm nhập khẩu tăng tỷ lệ thuận với chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm đó tại VN. Các doanh nghiệp trong nước, Bộ thương mại và các bộ quản lý ngành sản xuất cần hợp tác, liên kết, lên tiếng về việc này.

Kết hợp lao động và công nghệ

Nhiều doanh nghiệp ở nước ngoài vẫn có xu hướng nhập khẩu lao động vào các công việc thủ công, bán cơ giới, giảm đầu tư. Mỗi loại công nghệ có thị trường tiêu thụ đều có khả năng sử dụng các loại lao động. Ví dụ, chiếc máy điện thoại để bàn phần điện có giá trị thấp nhưng vỏ, kiểu dáng thủ công mỹ nghệ có giá trị cao, một số đồ gia dụng có xu hướng đó như thảm, bàn ghế, đèn trang trí, quần áo. Do vậy lao động và trình độ công nghệ để có thể tham gia vào sản xuất một sản phẩm nào đó, một phần mềm máy tính huy động khá nhiều lập trình viên với thao tác bàn phím theo một quy trình; xu hướng sẽ sử dụng nhiều lao động dịch vụ gắn liền với sản xuất như bán hàng, bảo hành, nghiên cứu thị trường, tiếp thị có thể toàn dụng số lao động trình độ chuyên môn hẹp sâu.

Bảng 4: Mối tương quan công nghệ và lao động

	Công nghệ thủ công, truyền thống	Công nghệ trung bình tiên tiến	Công nghệ cao, hiện đại
Lao động giản đơn	***	**	**
Lao động trung bình	**	***	**
Lao động kỹ thuật cao	**	**	***

* Thể hiện quy mô lao động

Mối tương quan công nghệ và lao động xuất phát từ thực tế tồn tại ba loại lao động và ba loại công nghệ với việc bố trí lao động theo chuyên môn hóa, do vậy mỗi loại lao động chuyên môn hẹp vẫn có thể làm việc ở một công đoạn nào đó của quy trình công nghệ. Điều này đã được chứng minh trong một số ngành kỹ thuật như may mặc, lắp ráp cơ khí, điện tử, vật liệu xây dựng, một số lao động nông nghiệp đã chuyển vào làm ở nhà máy sản xuất vi mạch của hãng Intel đặt trên lãnh thổ Cottaria, nhiều lao động mới tốt nghiệp phổ thông, có sức khỏe đã đứng trong dây chuyền sản xuất đèn hình của hãng Daewoo tại Hà Nội, hãng mạch điện tử Fujitsu ở Đồng Nai sau một thời gian huấn luyện ■